

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 62

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính tại: 185 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiến	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiến	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)
Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018)
Bà Lê Thị Bé Múm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Số: 700/2018/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 62, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được. Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính hợp nhất này.



Phan Huy Thăng

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.604.856.791.922	1.654.143.264.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	162.148.353.358	102.348.349.253
1. Tiền	111		162.148.353.358	92.348.349.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		682.000.364.694	829.353.286.614
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	180.281.116.009	209.193.970.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	118.414.247.986	158.662.477.413
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	138.783.270.598	197.574.190.058
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	249.185.256.242	268.798.317.752
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.663.526.141)	(4.875.669.157)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	752.377.887.140	707.809.014.052
1. Hàng tồn kho	141		752.377.887.140	707.809.014.052
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.330.186.730	14.632.453.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	2.256.971.772	1.492.005.438
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.962.252.283	13.140.447.772
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.19	110.962.675	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		343.075.863.416	318.320.441.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.678.382.744	5.193.393.790
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	25.678.382.744	5.193.393.790
II. Tài sản cố định	220		106.985.292.808	113.150.761.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	74.212.161.293	78.117.214.194
- Nguyên giá	222		141.060.328.078	138.779.122.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.848.166.785)	(60.661.907.869)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	25.619.633.795	27.701.501.067
- Nguyên giá	225		33.309.876.347	33.309.876.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.690.242.552)	(5.608.375.280)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.153.497.720	7.332.046.207
- Nguyên giá	228		8.128.531.506	8.831.388.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(975.033.786)	(1.499.342.442)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.280.629.694	856.323.202
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	1.280.629.694	856.323.202
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		120.000.000.000	120.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.14	120.000.000.000	120.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84.134.401.437	74.122.805.921
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	50.162.156.019	38.176.272.024
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	2.513.114.796	2.240.322.516
3. Lợi thế thương mại	269	5.17	31.459.130.622	33.706.211.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.947.932.655.338	1.972.463.705.244

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	30/06/2018		01/01/2018	
		VND		VND	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.471.697.540.800		1.461.813.168.179	
I. Nợ ngắn hạn	310	1.464.600.741.819		1.445.611.725.421	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	258.851.843.107	150.621.959.964	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.18	526.485.003.434	518.569.074.907	
3.					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	17.543.247.697	15.464.399.057	
4. Phải trả người lao động	314		5.049.926.968	6.041.439.187	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.20	52.105.273.851	2.983.152.035	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.21	42.271.263.931	67.739.064.083	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.22	559.291.694.710	683.128.448.953	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.002.488.121	1.064.187.235	
II. Nợ dài hạn	330		7.096.798.981	16.201.442.758	
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.21	-	5.750.000.000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.22	7.027.648.074	10.357.168.490	
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.15	69.150.907	94.274.268	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số		30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		476.235.114.538	510.650.537.065
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	476.235.114.538	510.650.537.065
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.883.468.360	7.099.220.906
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.611.999.835	87.970.101.299
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		83.155.497.047	(689.672.346)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.456.502.788	88.659.773.645
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		158.013.622	181.214.860
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.947.932.655.338	1.972.463.705.244

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



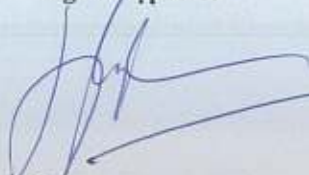
Phùng Văn Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.24	567.627.750.615	450.084.679.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.24	44.707.349	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.24	567.583.043.266	450.084.679.065
4. Giá vốn hàng bán	11	5.25	514.545.495.590	359.628.454.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		53.037.547.676	90.456.224.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.26	19.293.143.793	18.687.626.209
7. Chi phí tài chính	22	5.27	25.467.502.326	21.785.567.154
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.466.554.741	21.784.790.423
8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.28	2.813.381.266	3.411.921.537
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.29	26.125.250.820	23.245.851.537
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		17.924.557.057	60.700.510.145
12. Thu nhập khác	31	5.30	495.423.982	27.649.648.979
13. Chi phí khác	32	5.31	551.599.656	2.132.496.182
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(56.175.674)	25.517.152.797
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.868.381.383	86.217.662.942
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.32	7.477.839.702	11.614.626.714
17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.15	(297.915.641)	186.555.979
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.688.457.322	74.416.480.249
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.690.658.560	74.407.452.614
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.201.238)	9.027.635
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.34	201	1.667

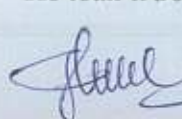
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.868.381.383	86.217.662.942
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	10.754.907.725	(10.415.751.939)
Các khoản dự phòng	03	(212.143.016)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.663	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.147.830.690)	(10.019.784.151)
Chi phí lãi vay	06	25.466.554.741	21.785.567.154
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.729.876.806	87.567.694.006
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	63.273.688.441	18.633.318.773
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(44.568.873.088)	(94.626.427.791)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	170.952.985.983	140.814.738.339
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(12.697.836.630)	(13.463.829.541)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	161.001	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.033.194.680)	(20.572.351.925)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.490.231.971)	(5.643.282.863)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.349.957.883)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	180.831.117.979	112.709.858.998
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.011.123.047)	(8.972.513.501)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	30.000.000	1.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(227.770.169.949)	(354.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	286.561.089.409	2.558.248.066
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(904.763.468)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.485.832.665	3.944.336.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	87.295.629.078	(356.374.692.447)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
		VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(39.818.367.279)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	531.631.757.892	1.040.240.598.863
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(654.776.926.772)	(815.252.568.765)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.697.434.080)	(5.818.103.672)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.651.266.050)	(28.846.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(208.312.236.289)	219.141.080.272
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	59.800.010.768	(24.523.753.177)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	102.348.349.253	28.252.403.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.663)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	162.148.353.358	3.728.650.014

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính tại: 185 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 133 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 132).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a - DN/HN**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tỷ giá Công ty áp dụng để đánh giá lại Tiền bằng ngoại tệ là 22.925 đồng/USD.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng được mua vào và bán ra để kiếm lời), gồm: Cổ phiếu; trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a - DN/HN**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Ủy Ban Chứng Khoán.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	9.987.748.124	570.397.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	152.160.605.234	91.777.951.992
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	162.148.353.358	102.348.349.253

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (i)	40.803.755.055	35.194.383.946
Phải thu các khách hàng khác	139.477.360.954	173.999.586.602
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt</i>	35.998.250.432	49.143.411.672
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương Mại 592</i>	18.140.202.744	26.161.866.173
<i>Ban Quản Lý Dự án Đường Hồ Chí Minh</i>	14.683.373.802	14.847.188.802
<i>Công ty Cổ Phần Big Gate</i>	8.164.403.946	113.503.600
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc</i>	5.240.388.957	13.104.162.285
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	57.250.741.073	70.629.454.070
Cộng	180.281.116.009	209.193.970.548

(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	17.778.100.329	1.445.815.347
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	9.046.562.015	17.276.362.210
Công ty CII B&R	5.624.604.460	12.603.932.389
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	4.354.724.400	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.793.761.306	1.662.271.455
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty CII	11.332.527	11.332.527
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	438.684.834	438.684.834
Cộng	40.803.755.055	35.194.383.946

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	51.384.493.672	58.766.466.220
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	10.751.550.248	31.544.135.565
Công ty Cổ phần Teracons	-	16.629.150.063
Các đối tượng khác	56.278.204.066	51.722.725.565
Cộng	118.414.247.986	158.662.477.413
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty CII B&R	35.550.000	35.550.000

5.4. Phải thu về cho vay

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (i)	2.632.408.850	197.574.190.058
Phải thu các đối tượng khác	136.150.861.748	-
<i>Công ty Cổ phần Teracons</i>	33.468.375.978	-
<i>Ban quản lý Dự án Xây dựng Dân Dụng Thủ Thiêm</i>	25.800.000.000	-
<i>Ban quản lý Dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	23.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt</i>	15.545.971.136	-
<i>Ban quản lý dự án Quốc Lộ 60</i>	14.000.000.000	-
<i>Đặng Việt Hà</i>	11.639.428.986	-
<i>Đối tượng khác</i>	12.697.085.648	-
Cộng	138.783.270.598	197.574.190.058
<i>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty CII	2.632.408.850	197.574.190.058

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a - DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.5. Phải thu khác**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công, ban quản lý dự án các công trình xây dựng	177.868.454.789	193.506.062.772
Các khoản chi hộ	37.633.249.640	9.631.425.154
Ký cược, ký quỹ	8.060.426.932	30.103.918.999
Phải thu người lao động	7.156.203.745	5.658.176.360
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	7.152.897.312	18.420.076.305
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Các khoản phải thu khác	10.602.151.085	10.766.785.423
	249.185.256.242	268.798.317.752
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	25.678.382.744	5.193.393.790
	25.678.382.744	5.193.393.790
Cộng	274.863.638.986	273.991.711.542
<i>Trong đó, phải thu là các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	1.433.333.333	7.566.666.667
Công ty CII	526.790.192	10.356.121.582
Cộng	1.960.123.525	17.922.788.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
		VND			VND	
Phải thu khách hàng	2.551.503.611	50.438.480	2.501.065.131	2.919.523.564	80.536.678	2.838.986.886
Ứng trước cho nhà cung cấp	419.262.463	-	419.262.463	419.262.463	125.778.739	293.483.724
Phải thu khác	1.743.198.547	-	1.743.198.547	1.743.198.547	-	1.743.198.547
Cộng	4.713.964.621	50.438.480	4.663.526.141	5.081.984.574	206.315.417	4.875.669.157

5.7. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.996.060.823	-	25.997.952.124	-
Công cụ, dụng cụ	537.690.457	-	340.866.744	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	654.425.429.565	-	612.028.788.634	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	34.500.983.559	-	33.182.531.821	-
Thành phẩm	23.277.091.236	-	21.111.369.229	-
Hàng hóa	13.640.631.500	-	15.147.505.500	-
Cộng	752.377.887.140	-	707.809.014.052	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí trả trước**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	512.557.094	757.946.687
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	278.983.226	104.914.051
Chi phí khác chờ phân bổ	1.465.431.452	629.144.700
	2.256.971.772	1.492.005.438
b. Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng và làm đường công vụ phục vụ dự án	25.329.314.534	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.505.841.077	12.841.674.095
Chi phí đền bù, trùng tu và chi phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	8.488.125.968	10.961.663.411
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	751.879.773	1.503.759.545
Chi phí khác chờ phân bổ	86.994.667	12.869.174.973
	50.162.156.019	38.176.272.024
Cộng	52.419.127.791	39.668.277.462

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	39.095.265.801	74.062.296.396	24.076.728.639	1.544.831.227	138.779.122.063
Mua trong kỳ	-	1.995.962.909	-	232.500.000	2.228.462.909
Xây dựng cơ bản hoàn thành	237.732.078	-	-	-	237.732.078
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(184.988.972)	-	(184.988.972)
Tại ngày 30/06/2018	39.332.997.879	76.058.259.305	23.891.739.667	1.777.331.227	141.060.328.078
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	7.692.855.525	40.614.646.541	11.327.142.121	1.027.263.682	60.661.907.869
Khấu hao trong kỳ	875.639.268	3.644.780.180	1.640.229.465	139.775.993	6.300.424.906
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(114.165.990)	-	(114.165.990)
Tại ngày 30/06/2018	8.568.494.793	44.259.426.721	12.853.205.596	1.167.039.675	66.848.166.785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	31.402.410.276	33.447.649.855	12.749.586.518	517.567.545	78.117.214.194
Tại ngày 30/06/2018	30.764.503.086	31.798.832.584	11.038.534.071	610.291.552	74.212.161.293

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30 tháng 6 năm 2018 là 29.372.155.784 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 26.758.818.432 VND). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết không còn sử dụng và chờ thanh lý tại 30 tháng 6 năm 2018 là 773.141.321 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 700.414.048 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại các Ngân hàng. Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản được thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 lần lượt là 71.308.497.883 VND và 49.237.636.244 VND (31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 52.755.256.506 VND và 39.121.693.364 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	33.309.876.347
Tại ngày 30/06/2018	33.309.876.347
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	5.608.375.280
Khấu hao trong kỳ	2.081.867.272
Tại ngày 30/06/2018	7.690.242.552
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	27.701.501.067
Tại ngày 30/06/2018	25.619.633.795

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị đi thuê theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22).

5.11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	7.871.388.649	360.000.000	600.000.000	8.831.388.649
Giảm khác	(42.857.143)	-	(600.000.000)	(642.857.143)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	7.828.531.506	300.000.000	-	8.128.531.506
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	717.036.842	182.305.600	600.000.000	1.499.342.442
Khấu hao trong kỳ	101.725.266	23.809.522	-	125.534.788
Giảm khác	(42.857.143)	-	(600.000.000)	(642.857.143)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(6.986.301)	-	(6.986.301)
Tại ngày 30/06/2018	775.904.965	199.128.821	-	975.033.786
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	7.154.351.807	177.694.400	-	7.332.046.207
Tại ngày 30/06/2018	7.052.626.541	100.871.179	-	7.153.497.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.11. Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của lô đất tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 7.728.531.506 VND và 7.052.626.541 VND. Lô đất có tổng diện tích 20.000 m² và có thời hạn sử dụng tới ngày 06/10/2053 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK143610. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất này để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Sài Gòn. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30 tháng 6 năm 2018 là 160.000.000 VND (tại 31 tháng 12 năm 2017 là 702.857.143 VND).

5.12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	5.836.987.368
Tại ngày 30/06/2018	5.836.987.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	839.830.635
Tại ngày 30/06/2018	839.830.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	4.997.156.733
Tại ngày 30/06/2018	4.997.156.733

Bất động sản đầu tư là là lô đất chờ tăng giá tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản cố định	227.272.727	-
Chi phí xây dựng nhà máy gạch không nung	-	206.330.109
Chi phí xây dựng dở dang khác	1.053.356.967	649.993.093
Cộng	<u>1.280.629.694</u>	<u>856.323.202</u>

5.14. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>30/06/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu	<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.

Giấy chứng nhận trái phiếu đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.15. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.825.804.238
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	2.585.481.722
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.240.322.516
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(272.792.280)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.513.114.796
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(94.274.268)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	94.274.268
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	25.123.361
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	69.150.907
Thu nhập thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(297.915.641)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu số B 09a - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	70.906.270.095	70.906.270.095	41.149.643.276	41.149.643.276
Công ty Cổ phần Teracons	15.469.217.564	15.469.217.564	3.075.368.117	3.075.368.117
Công ty Cổ phần ROADCO	14.264.893.469	14.264.893.469	2.356.566.490	2.356.566.490
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	11.694.554.814	11.694.554.814	12.999.168.550	12.999.168.550
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	9.403.351.650	9.403.351.650	1.734.262.119	1.734.262.119
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	7.732.283.316	7.732.283.316	6.506.067.037	6.506.067.037
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	124.381.272.199	124.381.272.199	77.800.884.375	77.800.884.375
Cộng	258.851.843.107	258.851.843.107	150.621.959.964	150.621.959.964
<i>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	273.845.000	273.845.000	273.845.000	273.845.000
Công ty CII B&R	-	-	1.830.943.576	1.830.943.576
Cộng	5.273.845.000	5.273.845.000	7.104.788.576	7.104.788.576

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.17. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	44.941.615.175
Tại ngày 30/06/2018	44.941.615.175
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	11.235.403.794
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	2.247.080.759
Tại ngày 30/06/2018	13.482.484.553
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	33.706.211.381
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	31.459.130.622

5.18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	452.790.985.269	434.684.791.514
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội</i>	204.767.893.118	241.075.263.282
<i>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</i>	191.409.797.157	171.821.982.226
<i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</i>	49.657.508.694	21.787.546.006
<i>Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận</i>	6.955.786.300	-
Các đối tượng khác	73.694.018.165	83.884.283.393
Cộng	526.485.003.434	518.569.074.907

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	110.962.675	110.962.675
Cộng	-	-	110.962.675	110.962.675
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.294.172.904	769.577.515	1.003.786.793	1.059.963.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.708.418.878	7.477.839.702	3.490.231.971	12.696.026.609
Thuế thu nhập cá nhân	1.974.331.831	1.090.018.249	1.995.491.318	1.068.858.762
Các khoản phải nộp khác	3.487.475.444	2.200.919.893	2.969.996.637	2.718.398.700
Cộng	15.464.399.057	11.538.355.359	9.459.506.719	17.543.247.697

5.20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	50.511.824.996	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.468.448.855	2.878.152.035
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh khác	125.000.000	105.000.000
Cộng	52.105.273.851	2.983.152.035

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.21. Phải trả khác**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả các khoản thu hộ	31.028.793.762	19.499.026.442
Phải trả về gốc hỗ trợ kinh doanh	3.680.000.000	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	2.298.686.599	6.125.205.904
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh	1.966.563.080	123.499.839
Bảo hiểm xã hội	1.190.352.325	113.316.245
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Kinh phí công đoàn	233.187.147	116.838.066
Bảo hiểm y tế	168.705.838	19.189.890
Bảo hiểm thất nghiệp	63.051.327	9.608.985
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.314.050	40.637.580.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.224.609.803	684.798.612
	42.271.263.931	67.739.064.083
b. Dài hạn		
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	-	5.750.000.000
	-	5.750.000.000
Cộng	42.271.263.931	73.489.064.083
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>Lãi vay phải trả</i>	1.856.441.088	-
Công ty CII: <i>Cổ tức và lợi nhuận phải trả</i>	-	21.165.112.000
Cộng	1.856.441.088	21.165.112.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2018		Phát sinh trong kỳ		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Ngắn hạn						
Các khoản vay ngắn hạn	552.658.407.993	552.658.407.993	523.025.456.614	644.100.625.494	673.733.576.873	673.733.576.873
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	214.460.795.905	214.460.795.905	112.483.757.605	206.224.159.164	308.201.197.464	308.201.197.464
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	117.702.381.392	117.702.381.392	117.702.381.392	198.930.441.987	198.930.441.987	198.930.441.987
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	74.760.352.963	74.760.352.963	74.760.352.963	118.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	65.336.739.700	65.336.739.700	82.000.000.000	16.663.260.300	-	-
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Sài Gòn	32.148.883.361	32.148.883.361	72.258.447.437	78.171.257.525	38.061.693.449	38.061.693.449
Nguyễn Mai Bảo Trâm	12.400.000.000	12.400.000.000	12.400.000.000	-	-	-
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Ngãi	11.963.452.429	11.963.452.429	20.534.714.974	18.366.789.698	9.795.527.153	9.795.527.153
Phạm Thị Thúy Nga	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Dương Quang Châu	9.034.810.000	9.034.810.000	9.034.810.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Việt Thành	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-
Ngân hàng MBBank - Chi nhánh Đông Sài Gòn	2.350.992.243	2.350.992.243	2.350.992.243	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2018		Phát sinh trong kỳ		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	6.633.286.717	6.633.286.717			9.394.872.080	9.394.872.080
Cộng	559.291.694.710	559.291.694.710	523.025.456.614	644.100.625.494	683.128.448.953	683.128.448.953
b. Dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	13.660.934.791	13.660.934.791	-	6.091.105.779	19.752.040.570	19.752.040.570
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(6.633.286.717)	(6.633.286.717)			(9.394.872.080)	(9.394.872.080)
Cộng	7.027.648.074	7.027.648.074	-	6.091.105.779	10.357.168.490	10.357.168.490
<i>Trong đó, số dư nợ vay bên liên quan</i>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	65.336.739.700	65.336.739.700	82.000.000.000	16.663.260.300	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn của kế ước cuối	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
NGÂN HẠN Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	214.460.795.905	6 - 8 tháng	22/06/2019	7,9%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; - Xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48; - Xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54; - Xe ô tô biển số 51C-62636; - Xe ô tô biển số 51A-90435; - Xe ô tô biển số 51A-69677; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng, tổng giá trị các hợp đồng đã thế chấp 535.726.269.972 VND; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty CII E&C trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	117.702.381.392	6 tháng	02/11/2018	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty CII E&C đã sử dụng vốn vay để thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn của kế ước cuối	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	74.760.352.963	10 tháng	20-01-19	7,8%	Bổ sung vốn lưu động.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, giá trị khoản tiền gửi 20 tỷ đồng.
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	65.336.739.700	12 tháng	09-01-19	10,5%	Bổ sung vốn cho dự án Xây dựng đường cao tốc Trung Lương- Mỹ Thuận (Gói thầu KC1-XL4).	Vay tín chấp.
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Sài Gòn	32.148.883.361	6 tháng	25-10-18	6,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Nguyễn Mai Bảo Trâm	12.400.000.000	12 tháng	29-06-19	8,5%	Bổ sung vốn lưu động	Vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn của kế ước cuối	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Ngãi	11.963.452.429	12 tháng	30-06-18	7,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Phạm Thị Thúy Nga	10.000.000.000	12 tháng	29-06-19	8,5%	Bổ sung vốn lưu động	Vay tín chấp
Dương Quang Châu	9.034.810.000	12 tháng	29-06-19	8,5%	Bổ sung vốn lưu động	Vay tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu Tư Việt Thành	2.500.000.000	6 tháng	31-08-18	12,0%	Bổ sung vốn lưu động	Vay tín chấp
Ngân hàng MBBank - Chi nhánh Đông Sài Gòn	2.350.992.243	12 tháng	31-05-19	7,4%	Phục vụ hoạt động xây lắp công trình điện	- Khoản phải thu hình thành từ thực hiện gói thầu số 01 "Thi công hạng mục thay thế đèn chiếu sáng thuộc dự án "Tăng cường khả năng khai thác trên tuyến Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Bình Phước đến ngã tư An Sương) quận 12. Trị giá quyền đòi nợ: 8.815.241.680; - Toàn bộ số tiền/số dư và lãi phát sinh trên Tài khoản tiền gửi thanh toán số 2041100818006 mở tại ngân hàng cho vay; - Các quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn của khế ước cuối	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
DÀI HẠN						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	13.660.934.791	3 - 4 năm		8% - 8,5%	Thuê tài chính	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuê tài chính là 3.785.296.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,3% - 0,5% giá thuê ban đầu.

Nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	6.633.286.717	9.394.872.080
Trong năm thứ hai	4.459.880.328	5.067.940.222
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.567.767.746	5.289.228.268
	13.660.934.791	19.752.040.570
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(6.633.286.717)	(9.394.872.080)
Cộng	7.027.648.074	10.357.168.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.23. Vốn chủ sở hữu

a. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	415.000.000.000	400.000.000	-	6.491.138.089	43.123.316.935	-	465.014.455.024
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	90.270.559.651	21.962.682	90.292.522.333
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	188.098.332	188.098.332
Chia cổ tức	-	-	-	-	(41.500.000.000)	(28.846.154)	(41.528.846.154)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(65.718.500)	-	(65.718.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.927.337.477)	-	(2.927.337.477)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	608.082.817	(608.082.817)	-	-
Chi khen thưởng khác	-	-	-	-	(315.935.000)	-	(315.935.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(6.701.493)	-	(6.701.493)
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	7.099.220.906	87.970.101.299	181.214.860	510.650.537.065
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	10.690.658.560	(2.201.238)	10.688.457.322
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	-	(39.818.367.279)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(21.000.000)	(21.000.000)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(296.726.133)	-	(296.726.133)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.784.247.454	(1.784.247.454)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.967.786.437)	-	(4.967.786.437)
Tại ngày 30/06/2018	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	8.883.468.360	91.611.999.835	158.013.622	476.235.114.538

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.23. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	30/06/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CII	53,58%	211.651.120.000	51,00%	211.651.120.000
Các cổ đông khác	46,42%	183.348.880.000	49,00%	203.348.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	415.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.000.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

5.24. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	454.093.361.547	334.906.550.706
Doanh thu bán hàng	109.578.896.743	113.912.639.577
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.955.492.325	1.265.488.782
Cộng	567.627.750.615	450.084.679.065
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(44.707.349)	-
Doanh thu thuần	567.583.043.266	450.084.679.065

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.24. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<i>Trong đó, doanh thu từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	177.256.583.852	174.870.652.107
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	92.546.439.724	5.253.278.508
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	81.924.952.473	47.001.913.590
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>thi công các gói thầu dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	58.824.976.364	
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án DT741</i>	7.484.719.506	27.288.801.949
Công ty CII B&R: <i>Khối lượng thi công các công trình và doanh thu bán hàng hóa</i>	848.152.611	23.208.895.310
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và trạm thu phí Cà Ná</i>	(8.229.800.195)	35.989.902.232
Công ty SII: <i>Khối lượng thi công các gói thi công dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	-	11.792.296.671
Cộng	410.656.024.335	325.405.740.367

5.25. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	415.431.234.417	265.791.879.399
Giá vốn hàng đã bán	96.985.817.599	93.730.641.923
Giá vốn của dịch vụ	2.128.443.574	105.933.579
Cộng	514.545.495.590	359.628.454.901

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.218.653.672	11.567.116.168
Lãi chậm thanh toán	74.490.121	
Lãi phát sinh từ khoản ứng vốn cho nhà thầu thi công	-	7.500.000.000
Hoàn nhập lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	(379.489.959)
Cộng	19.293.143.793	18.687.626.209
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	7.190.997.336	9.158.335.021
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	6.033.333.333	1.433.333.333
Cộng	13.224.330.669	10.591.668.354

5.27. Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	24.738.957.745	20.980.080.891
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	727.596.996	804.709.532
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.663	776.731
Chi phí tài chính khác	940.922	-
Cộng	25.467.502.326	21.785.567.154
<i>Trong đó, chi phí phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	2.262.109.934	2.192.355.299
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	1.856.441.088	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	45.047.222	-
Cộng	4.163.598.244	2.192.355.299

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CHI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên	532.077.737	296.328.576
Chi phí vật liệu bao bì	-	113.109.712
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.350.000	11.452.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.089.479	2.797.976.329
Chi phí bằng tiền khác	226.864.050	193.053.926
Cộng	2.813.381.266	3.411.921.537

5.29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.294.275.098	11.769.323.616
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.047.230.997	844.452.955
Chi phí khấu hao	937.537.592	711.538.600
Chi phí công tác, tiếp khách	744.103.818	940.554.260
Chi phí dự phòng	(212.143.016)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.662.183.199	1.601.286.825
Chi phí bằng tiền khác	2.404.982.373	5.131.614.522
Phân bổ lợi thế thương mại	2.247.080.759	2.247.080.759
Cộng	26.125.250.820	23.245.851.537

Trong đó, chi phí phát sinh với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh

Địa Ốc Lữ Gia

431.740.618

125.313.423

5.30. Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	27.611.132.397
Thu nhập khác	495.423.982	38.516.582
Cộng	495.423.982	27.649.648.979

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.31. Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ và CCDC thanh lý	43.550.200	804.205.694
Các khoản phạt vi phạm hành chính khác	58.692.602	88.101.466
Các khoản phạt vi phạm thuế	240.227.310	732.401.400
Thuế GTGT bị truy thu	-	447.199.643
Các khoản chi phí khác	209.129.544	60.587.979
Cộng	551.599.656	2.132.496.182

5.32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.868.381.383	86.217.662.942
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	15.875.551.536	1.478.117.590
Điều chỉnh các khoản thu nhập không chịu thuế	(91.393.370)	-
Lợi thế thương mại phân bổ	2.247.080.759	2.247.080.759
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	1.489.578.205	(2.721.580.335)
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(27.611.132.397)
Thu nhập tạm thời chưa tính thuế		(7.500.000.000)
Thu nhập chịu thuế	37.389.198.512	52.110.148.559
Chuyển lỗ		-
Thu nhập tính thuế	37.389.198.512	52.110.148.559
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	7.477.839.702	10.422.029.712
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	-	1.192.597.002
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.477.839.702	11.614.626.714

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.603.239.913	342.579.664.096
Chi phí nhân công	50.600.024.961	45.552.698.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.428.791.784	7.211.678.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.988.690.915	232.804.833.893
Chi phí bằng tiền khác	4.974.279.027	10.113.875.600
Cộng	767.595.026.601	638.262.750.629

5.34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	12.045.437.915	74.407.452.614
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.744.954.710)	(5.208.521.683)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.300.483.205	69.198.930.931
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	41.268.220	41.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	201	1.667

5.35. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Số tiền vay thực nhận trong kỳ		
Tiền vay theo hợp đồng thông thường	442.631.757.892	620.240.598.863
Tiền vay các Công ty trong tập đoàn	89.000.000.000	420.000.000.000
	531.631.757.892	1.040.240.598.863
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	647.776.926.772	578.971.801.472
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	7.000.000.000	236.280.767.293
	654.776.926.772	815.252.568.765

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; hoạt động cho thuê tài sản và dịch vụ khác. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng, cho thuê văn phòng, kho bãi và cho thuê tài sản.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	109.534.189.394	454.093.361.547	3.955.492.325	-	567.583.043.266
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	134.177.096.983	48.537.913.696	2.673.354.543	(185.388.365.222)	-
Cộng	243.711.286.377	502.631.275.243	6.628.846.868	(185.388.365.222)	567.583.043.266
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	96.985.817.599	415.431.234.417	2.128.443.574		514.545.495.590
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	134.742.385.098	48.105.167.113	972.495.750	(183.820.047.961)	-
Cộng	231.728.202.697	463.536.401.530	3.100.939.324	(183.820.047.961)	514.545.495.590
Lợi nhuận gộp bộ phận	11.983.083.680	39.094.873.713	3.527.907.544	(1.568.317.261)	53.037.547.676
Doanh thu hoạt động tài chính					19.293.143.793
Chi phí tài chính					25.467.502.326
Chi phí bán hàng					2.813.381.266
Chi phí quản lý doanh nghiệp					26.125.250.820
Thu nhập khác					495.423.982
Chi phí khác					551.599.656
Chi phí thuế TNDN hiện hành					7.477.839.702
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(297.915.641)
Tổng lợi nhuận sau thuế					10.688.457.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	113.912.639.577	334.906.550.706	1.265.488.782	-	450.084.679.065
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	115.498.513.165	49.392.934.964	9.980.358.416	(174.871.806.545)	-
Cộng	229.411.152.742	384.299.485.670	11.245.847.198	(174.871.806.545)	450.084.679.065
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	93.730.641.923	265.791.879.399	105.933.579	-	359.628.454.901
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	13.225.935.544	152.785.533.016	9.980.358.416	(175.991.826.976)	-
Cộng	106.956.577.467	418.577.412.415	10.086.291.995	(175.991.826.976)	359.628.454.901
Lợi nhuận gộp bộ phận	122.454.575.275	(34.277.926.745)	1.159.555.203	1.120.020.431	90.456.224.164
Doanh thu hoạt động tài chính					18.687.626.209
Chi phí tài chính					21.785.567.154
Chi phí bán hàng					3.411.921.537
Chi phí quản lý doanh nghiệp					23.245.851.537
Thu nhập khác					27.649.648.979
Chi phí khác					2.132.496.182
Chi phí thuế TNDN hiện hành					11.614.626.714
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					186.555.979
Tổng lợi nhuận sau thuế					74.416.480.249

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Chi tiết bên liên quan:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("Công ty CII B&R")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("Công ty SII")	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Công ty CII		
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án</i>	710.000.000.000	420.000.000.000
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án</i>	497.253.888.527	236.280.767.293
<i>Hỗ trợ vốn</i>	102.300.000.000	234.000.000.000
<i>Nhận hoàn trả vốn hỗ trợ</i>	84.495.669.735	2.483.030.439
<i>Thanh toán chi phí sử dụng vốn</i>	731.111.473	1.719.232.707
<i>Nhận thanh toán chi phí sử dụng vốn</i>	15.504.330.265	3.516.969.561
<i>Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư - lãi</i>	1.515.998.461	-
<i>Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư - gốc</i>	212.746.111.473	-
<i>Cổ tức đã thanh toán trong kỳ</i>	21.165.112.000	-
<i>Nhận vốn thi công dự án Thủ Thiêm</i>	-	1.028.837.608
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
<i>Thu tiền khối lượng thi công xây lắp</i>	49.455.353.156	166.710.465.018
<i>Mua trái phiếu</i>	-	120.000.000.000
<i>Thu lãi trái phiếu</i>	12.166.666.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:		
<i>Thu tiền khối lượng thi công các công trình</i>	-	21.362.775.520
Công ty SII		
<i>Thu tiền khối lượng thi công dự án</i>	-	46.658.307.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
<i>Nhận tạm ứng, nhận thanh toán mua vật tư và thi công công trình</i>	200.911.835.239	268.120.604.926
<i>Chuyển trả tiền dư</i>	2.674.063.052	-
<i>Chi phí tiền nước công trình Thủ Thiêm</i>	37.097.280	-
<i>Thanh toán tiền nước hộ</i>	38.783.520	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG		
<i>Thu tiền thi công dự án DT 741</i>	8.101.701.606	21.080.942.689
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
<i>Thu tiền thi công các công trình</i>	131.702.917.323	17.880.406.565
<i>Nhận hộ tiền cho các bên liên doanh</i>	40.472.557.860	-
<i>Ghi nhận công nợ ứng với phần liên doanh đã xuất hóa đơn</i>	19.849.170.981	-
<i>Thu tiền vay</i>	7.000.000.000	-
<i>Chuyển trả tiền vay</i>	7.000.000.000	-
<i>Lãi vay đã trả</i>	45.047.222	-
Công ty CII B&R		
<i>Thu tiền thi công</i>	6.291.135.896	37.796.390.662
<i>Cần trừ công nợ theo</i>	1.621.159.905	-
<i>Chuyển sang đầu tư vào công ty con</i>	-	78.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
<i>Nhập kho ống và phụ kiện</i>	-	9.113.274.960
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
<i>Thanh toán tiền thi công</i>	69.000.000	-
<i>Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường</i>	-	306.222.727
<i>Thuê xe vận chuyển nước</i>	62.727.272	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia		
<i>Thanh toán tiền thuê văn phòng</i>	474.914.680	137.844.765

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
<i>Thu tiền vay</i>	82.000.000.000	-
<i>Thu tiền thi công dự án</i>	55.000.000.000	-
<i>Cần trừ thu tiền thi công vào nợ vay</i>	16.663.260.300	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.432.123.030	1.019.826.553

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	569.999.342.784	699.235.617.443
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(300.931.623.956)	(102.348.349.253)
Nợ thuần	269.067.718.828	596.887.268.190
Vốn chủ sở hữu	476.235.114.538	510.650.537.065
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	56%	117%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.148.353.358	102.348.349.253
Phải thu khách hàng	177.780.050.878	206.354.983.662
Phải thu về cho vay	138.783.270.598	197.574.190.058
Phải thu khác	50.462.532.265	63.452.848.709
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	649.174.207.099	689.730.532.683
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	569.999.342.784	699.235.617.443
Phải trả người bán	258.851.843.107	150.621.959.964
Các khoản phải trả khác	3.608.486.933	41.855.878.551
Chi phí phải trả	52.105.273.851	2.983.152.035
Cộng	884.564.946.675	894.696.607.993

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.148.353.358	-	-	162.148.353.358
Phải thu khách hàng	177.780.050.878	-	-	177.780.050.878
Phải thu về cho vay	138.783.270.598	-	-	138.783.270.598
Phải thu khác	24.784.149.521	25.678.382.744	-	50.462.532.265
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000
Cộng	503.495.824.355	145.678.382.744	-	649.174.207.099
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	562.971.694.710	7.027.648.074	-	569.999.342.784
Phải trả người bán	258.851.843.107	-	-	258.851.843.107
Các khoản phải trả khác	3.608.486.933	-	-	3.608.486.933
Chi phí phải trả	52.105.273.851	-	-	52.105.273.851
Cộng	877.537.298.601	7.027.648.074	-	884.564.946.675
Chênh lệch thanh khoản thuần	(374.041.474.246)	138.650.734.670	-	(235.390.739.576)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.348.349.253	-	-	102.348.349.253
Phải thu khách hàng	206.354.983.662	-	-	206.354.983.662
Phải thu về cho vay	197.574.190.058	-	-	197.574.190.058
Phải thu khác	58.259.454.919	5.193.393.790	-	63.452.848.709
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000
Cộng	564.537.138.893	125.193.393.790	-	689.730.532.683
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	683.128.448.953	16.107.168.490	-	699.235.617.443
Phải trả người bán	150.621.959.964	-	-	150.621.959.964
Các khoản phải trả khác	41.855.878.551	-	-	41.855.878.551
Chi phí phải trả	2.983.152.035	-	-	2.983.152.035
Cộng	878.589.439.503	16.107.168.490	-	894.696.607.993
Chênh lệch thanh khoản thuần	(314.052.300.610)	109.086.225.300	-	(204.966.075.310)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác - Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (Tp. Hà Nội).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến

